

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Ngày phát hành/Ngày hiệu  
chính

23 Tháng Tư 2020

Phiên 1  
bản

## I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Mã sản phẩm : 00334660  
Tên sản phẩm : AMERCOAT 450HSA/HSG CURE  
Các cách khác để xác định  
lai lịch : Không có sẵn.  
Số CAS : Không áp dụng.  
Số đăng ký EC : Hỗn hợp.  
Loại sản phẩm : Chất lỏng.

Hoạt động sử dụng đã được xác định có liên quan của chất hoặc hỗn hợp và hoạt động sử dụng được khuyến  
nên tránh

Ứng dụng sản phẩm : Phủ. Sơn. Chất liên quan đến sơn.

Thông tin chi tiết về nhà  
cung cấp : PPG Yung Chi Coatings Co. Ltd  
Lô 219, đường Amata,  
KCN Long Bình Hiện Đại,  
TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam  
+84 61 3936121/22

Số điện thoại khẩn cấp (với  
giờ hoạt động) : CHEMTREC +(84)-444581938 (CCN 17704)

## II. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Mức xếp loại nguy hiểm : CHẤT LỎNG DỄ CHÁY - Loại 3  
ĐỘC TÍNH CẤP (đường miệng) - Loại 5  
ĐỘC TÍNH CẤP (ngoài da) - Loại 5  
ĐỘC TÍNH CẤP (hít phải) - Loại 4  
GÂY KHÓ CHỊU CHO DA - Loại 3  
NHAY DA - Loại 1  
ĐỘC TÍNH HỆ THỐNG/CƠ QUAN MỤC TIÊU CỤ THỂ - TIẾP XÚC 1 LẦN (Kích  
ứng đường hô hấp) - Loại 3  
ĐỘC TÍNH HỆ THỐNG/CƠ QUAN MỤC TIÊU CỤ THỂ - TIẾP XÚC 1 LẦN (Các tác  
dụng gây mê) - Loại 3  
ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (CẤP) - Loại 3  
ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (LÂU DÀI) - Loại 2  
Tỷ lệ phần trăm hỗn hợp chứa (các) thành phần độc tố cấp tính không xác định:  
12.8% (Ngoài da), 17.8% (Hít phải)  
Tỷ lệ phần trăm (các) hợp phần các chất nguy hại cho môi trường nước trong hỗn  
hợp: 1.2%

Các thành phần cơ bản của nhãn GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

## II. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Hình đồ cảnh báo :



Từ cảnh báo :

Cảnh báo nguy cơ :

- Cảnh báo
- Hơi và chất lỏng dễ cháy. Có thể nguy hại nếu nuốt phải hoặc tiếp xúc với da. Gây kích ứng da nhẹ. Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da. Có hại nếu hít phải. Có thể gây kích ứng hô hấp. Có thể gây uế oái hoặc chóng mặt. Có hại đối với sinh vật thủy sinh. Độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

### Các công bố về phòng ngừa

**Ngăn chặn** :

- Mang găng tay bảo hộ. Mang quần áo bảo hộ. Mang đồ bảo hộ mắt hoặc mặt. Giữ tránh xa nguồn nóng, tia lửa, ngọn lửa trần và bề mặt nóng. Không được hút thuốc. Sử dụng thiết bị điện, thông gió hoặc chiếu sáng được kiểm định chống nổ. Sử dụng các công cụ không phát tia lửa. Hành động để ngăn phóng tĩnh điện. Tránh thải ra môi trường. Tránh hít thở hơi.

**Phản ứng** :

- Thu gom chất tràn. **NẾU HÍT PHẢI:** Gọi cho một TRUNG TÂM ĐỘC CHẤT hay bác sĩ nếu bạn thấy không được khỏe. Giặt quần áo bị nhiễm bẩn trước khi dùng lại. **NẾU BỊ DÍNH VÀO DA:** Gọi cho một TRUNG TÂM ĐỘC CHẤT hay bác sĩ nếu bạn thấy không được khỏe. Hãy rửa sạch bằng nhiều nước. Nếu xảy ra kích ứng hoặc mẩn đỏ da: Hãy tìm chăm sóc hoặc là tư vấn y tế.

**Lưu trữ** :

- Cất giữ ở một nơi thông gió tốt. Giữ cho thùng chứa được đậy kín. Giữ lạnh.

**Xử lý** :

- Vứt bỏ nội dung/thùng chứa phù hợp với các quy định địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế.

**Lộ trình vào** :

- Không có sẵn.

**Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại** :

- Việc tiếp xúc lâu dài hoặc lặp đi lặp lại có thể làm khô da và gây kích ứng khó chịu.

## III. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

**Chất/pha chế** :

- Hỗn hợp

**Các cách khác để xác định lại lịch** :

- Không có sẵn.

### Số đăng ký CAS (Dịch Vụ Thông Tin Cơ Bản Hóa Chất Của Hoa Kỳ)/ các mã số khác

**Số CAS** :

- Không áp dụng.

**Số đăng ký EC** :

- Hỗn hợp.

**III. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT**

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	%
Hexamethylene diisocyanate, oligomers	28182-81-2	(C8-H12-N2-O2)x	25- <50
butylacetat	123-86-4	C6-H12-O2	20 - <25
Solvent naphtha (petroleum), light aromatic	64742-95-6	-	10 - <20
1,2,4-trimethylbenzene	95-63-6	C9-H12	5- <10
mesitylene	108-67-8	C9-H12	1- <3
N-propybenzen	103-65-1	C9-H12	1- <3
1,2,3-trimethylbenzene	526-73-8	C9-H12	1- <3

Với hiểu biết hiện tại của nhà cung cấp và ở mức độ cô đặc áp dụng, không có thành phần nào bị phân loại là độc hại với sức khỏe và môi trường cần phải báo cáo trong phần này.

Mã SUB đại diện cho những chất mà không có số CAS được đăng ký.

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, nếu có, được liệt kê ở phần 8.

**IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU Y TẾ****Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết**

- Tiếp xúc mắt** : Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Ngay lập tức rửa mắt bằng dòng nước trong ít nhất 15 phút, mở to mắt khi rửa. Tìm hỗ trợ y tế ngay.
- Hít phải** : Đưa ra ngoài chỗ thoáng khí. Giữ nạn nhân trong tình trạng ấm và thoải mái. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện.
- Tiếp xúc ngoài da** : Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Rửa sạch da bằng xà phòng và nước hoặc dùng những chất rửa da đã được công nhận. Đừng sử dụng dung môi hay chất pha loãng.
- Nuốt phải** : Nếu nuốt phải, tìm tư vấn y tế ngay và đưa cho thấy bình đựng chất hay nhãn hiệu này. Giữ nạn nhân trong tình trạng ấm và thoải mái. KHÔNG cố tạo cho nôn mửa.

**Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm****Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn**

- Tiếp xúc mắt** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
- Hít phải** : Có hại nếu hít phải. Có thể gây suy nhược hệ thống thần kinh trung ương (CNS). Có thể gây uể oải hoặc chóng mặt. Có thể gây kích ứng hô hấp.
- Tiếp xúc ngoài da** : Có thể có hại khi tiếp xúc với da. Gây kích ứng da nhẹ. Lây mở trong da. Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.
- Nuốt phải** : Có thể có hại nếu nuốt phải. Có thể gây suy nhược hệ thống thần kinh trung ương (CNS).

**Dấu hiệu/triệu chứng phơi nhiễm quá mức**

- Tiếp xúc mắt** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:  
đau nhức hoặc kích ứng khó chịu  
chảy nước mắt  
bị đỏ
- Hít phải** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:  
dị ứng đường hô hấp  
ho  
buồn nôn hay nôn mửa  
đau đầu  
buồn ngủ/mệt mỏi  
chóng mặt/hoa mắt  
bất tỉnh

## IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- Tiếp xúc ngoài da** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:  
kích ứng khó chịu  
bị đỏ  
khô da  
nứt da
- Nuốt phải** : Không có thông tin cụ thể gì.

### Thể hiện sự cần thiết phải được y bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và được điều trị đặc biệt, nếu cần

- Lưu ý đối với bác sĩ điều trị** : Nếu hít phải sản phẩm phân hủy trong đám cháy, triệu chứng có thể xuất hiện muộn. Người bị phơi nhiễm cần được theo dõi y tế trong 48 giờ.
- Điều trị cụ thể** : Không đòi hỏi điều trị đặc biệt.
- Bảo vệ nhân viên sơ cứu** : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thở vô miệng để hồi sinh. Dùng nước giặt thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay.

Xem thông tin độc tính (phần 11)

## V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

### Phương tiện dập tắt

- Các chất chữa cháy phù hợp** : Dùng hóa chất khô, CO<sub>2</sub>, bụi nước hay bọt.
- Các chất chữa cháy không phù hợp** : Dùng dòng tia nước.

### Các hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất

- : Hơi và chất lỏng dễ cháy. Để chảy ra đường cống có thể gây ra đám cháy hoặc tiếng nổ. Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ. Vật liệu này độc cho thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài. Nước chữa cháy bị ô nhiễm với chất này phải được khống chế và ngăn không cho đổ ra nguồn nước, cống rãnh.

### Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm

- : Các sản phẩm làm thổi rửa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:  
cacbon oxit  
ôxít nitơ  
Xianat và izoxianat.  
xianua hydro

### Các hành động bảo vệ đặc biệt cho người chữa cháy

- : Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di chuyển bình chữa khí khu vực cháy nếu có thể làm được mà không nguy hiểm. Dùng bụi nước để giữ mát bình chữa cháy phơi ra lửa.

### Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy

- : Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương.

## VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

### Các biện pháp để phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp

- Cho người không phải nhân viên cấp cứu** : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Không nên sờ mó hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Tắt tất cả các nguồn phát lửa. Không dùng pháo sáng, khói hay ngọn lửa trong khu vực nguy hiểm. Tránh hít hơi hay sương. Cung cấp thông hơi đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp.
- Cho các nhân viên cấp cứu** : Nếu cần phải có quần áo đặc biệt để xử lý lượng tràn đổ, hãy lưu ý đến mọi thông tin trong Mục 8 về các vật liệu phù hợp và không phù hợp. Xem thêm thông tin trong mục “Cho người không phải nhân viên cấp cứu”.

- Đề phòng cho môi trường** : Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí). Chất làm ô nhiễm nước. Có thể có hại cho môi trường nếu thải ra số lượng lớn. Thu gom chất tràn.

### Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch

- Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ** : Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.
- Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng** : Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thấm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rời cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương (xem Phần 13). Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn. Ghi chú: xem Phần 1 về thông tin liên hệ khẩn cấp và Phần 13 về xử lý chất thải.
- Điều khoản đặc biệt** : Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thấm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rời cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương (xem Phần 13). Đặt trong bình chứa thích hợp. Khu vực bị nhiễm phải được làm sạch ngay bằng chất tẩy rửa thích hợp. Một loại chất tẩy rửa (dễ cháy) có thể sử dụng bao gồm (theo dung tích): nước (45 phần), cồn ethanol hay isopropyl (50 phần) và dung dịch amoniac đậm đặc (d: 0,880) (5 phần). Hay là loại tẩy rửa không cháy sodium carbonate (5 phần) và nước (95 phần). Đổ đúng một trong hai loại chất tẩy đã pha như trên vào chỗ cần còn lại và để nguyên như vậy khoảng mấy ngày sau đến khi không còn thấy phản ứng nào xảy ra trong các thùng ở điều kiện không đậy nắp. Khi đạt tới giai đoạn này thì đậy nắp thùng lại và đem đi xử lý theo đúng quy định của địa phương (Xem phần 13 để biết thêm chi tiết). Đừng để chảy vào cống hay dòng nước. Nếu sản phẩm làm nhiễm ao hồ, sông ngòi hay cống rãnh, báo ngay cho cơ quan hữu trách theo quy định của địa phương.

## VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

### Các biện pháp để phòng cho thao tác an toàn

#### **Biện pháp bảo vệ**

: Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Trong bất kỳ quy trình nào có sử dụng sản phẩm này đều không được sử dụng các cá nhân đã có tiền sử bệnh da nhạy cảm. Đừng để vào mắt hay dính lên da hay quần áo. Đừng nuốt. Tránh hít hơi hay sương. Tránh thải ra môi trường. Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Đừng bước vào khu vực chứa hàng hay nơi đóng kín trừ phi có thông gió đầy đủ. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệu phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Cất giữ và sử dụng xa chỗ nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc bất kỳ nguồn kích hỏa nào. Dùng thiết bị bằng điện (quạt, đèn, dụng cụ xử lý vật liệu) không gây nổ. Chỉ sử dụng dụng cụ không phát tia lửa. Tiến hành các biện pháp phòng ngừa tĩnh điện toát ra. Các đồ đựng đã đổ hết những món chứa bên trong vẫn giữ lại cặn và có thể nguy hiểm. Đừng sử dụng lại bình chứa.

#### **Tư vấn về vệ sinh nghề nghiệp tổng quát**

: Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất này. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh.

#### **Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi khả năng tương kỵ**

: Đừng lưu trữ ở nhiệt độ cao hơn nhiệt độ sau đây: 50°C (122°F). Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Lưu trữ trong khu vực cách biệt được phê chuẩn. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem Phần 10) và thực phẩm và đồ uống. Cất giữ khóa kín. Loại trừ mọi nguồn bất lửa. Giữ tách xa các vật liệu ôxi hóa. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dụng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường. Xem Mục 10 để biết các chất kỵ tiếp xúc trước khi xử lý hoặc sử dụng.

Cần đề phòng để giảm thiểu tối đa việc phơi nhiễm độ ẩm khí quyển hay nước. Sẽ hình thành CO<sub>2</sub>, mà nếu ở trong bình kín có thể tạo ra áp suất.

## VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

### Các thông số kiểm soát

#### Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Tên thành phần nguy hiểm	Giới hạn phơi nhiễm
butylaxetat	<b>Bộ Y tế (Việt Nam, 10/2002).</b> STEL: 700 mg/m <sup>3</sup> 15 phút. TWA: 500 mg/m <sup>3</sup> 8 giờ.
1,2,4-trimethylbenzene	<b>ACGIH TLV (Hoa Kỳ, 3/2019).</b> TWA: 123 mg/m <sup>3</sup> 8 giờ. TWA: 25 ppm 8 giờ.
mesitylene	<b>ACGIH TLV (Hoa Kỳ, 3/2019).</b> TWA: 123 mg/m <sup>3</sup> 8 giờ. TWA: 25 ppm 8 giờ.
1,2,3-trimethylbenzene	<b>ACGIH TLV (Hoa Kỳ, 3/2019).</b> TWA: 123 mg/m <sup>3</sup> 8 giờ. TWA: 25 ppm 8 giờ.

## VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

**Quy trình theo dõi đề nghị** : Nếu sản phẩm này có những chất có giới hạn về phơi nhiễm, có thể cần theo dõi cá nhân, không khí nơi làm việc hay sinh học để xác định hiệu quả việc thông gió hay các biện pháp kiểm soát khác và/hay nhu cầu cần dùng thiết bị bảo vệ hô hấp. Cần tham khảo các tiêu chuẩn theo dõi phù hợp. Cũng cần phải tham khảo các hướng dẫn của quốc gia về các phương pháp xác định những chất nguy hiểm.

**Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp** : Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Dùng các phương tiện che chắn của quy trình, hệ thống thông gió tại chỗ hay các biện pháp kiểm soát kỹ thuật khác để giữ mức phơi nhiễm của công nhân đối với khí độc hại thấp hơn bất kỳ giới hạn nào được khuyến cáo hoặc do luật định. Các phương tiện kiểm soát cũng cần giữ cho độ tập trung của khí, hơi hoặc bụi dưới bất kỳ giới hạn gây nổ nào. Sử dụng thiết bị thông hơi chống nổ.

**Kiểm soát phơi nhiễm môi trường** : Phải kiểm tra khí thải từ ống thông gió hay thiết bị dây chuyền làm việc để bảo đảm chúng tuân thủ yêu cầu luật lệ bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, cần có bộ lọc khói, màng lọc hay điều chỉnh cơ khí đối với thiết bị trong dây chuyền để giảm khí thải tới mức chấp nhận được.

### Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

**Biện pháp vệ sinh** : Rửa bàn tay, cánh tay, và mặt cho thật sạch sau khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng nhà vệ sinh và vào lúc cuối giờ làm. Phải sử dụng kỹ thuật thích hợp để lột bỏ quần áo có thể đã bị nhiễm. Quần áo dùng trong việc có nhiễm bẩn không được phép ra ngoài nơi làm việc. Giặt sạch trang phục có dính chất độc trước khi dùng lại. Cần đặt những trạm rửa mắt và phòng tắm bảo an toàn ở gần địa điểm làm việc.

**Bảo vệ mắt** : Kính an toàn có tấm chắn bên hông.

### Bảo vệ da

**Bảo vệ tay** : Phải luôn luôn mang bao tay kháng hóa chất, không thấm chất lỏng, phù hợp với tiêu chuẩn được chấp nhận khi xử lý sản phẩm có hóa chất, nếu một cuộc đánh giá rủi ro xác định điều này cần thiết. Xem xét các thông số do nhà sản xuất găng cung cấp, kiểm tra trong khi sử dụng để biết rằng găng vẫn còn giữ được các tính chất bảo vệ của nó. Cần lưu ý rằng thời gian thấm qua của bất kỳ vật liệu găng tay nào của bất kỳ nhà sản xuất găng tay nào cũng khác nhau. Trong trường hợp hỗn hợp có chứa nhiều chất, thì thời gian bảo vệ của găng tay không thể tính chính xác được.

**Găng tay** : Cao su butyl

**Bảo vệ thân thể** : Phải chọn thiết bị bảo hộ cá nhân cho cơ thể dựa vào nhiệm vụ đang thi hành và nguy cơ gắn liền và phải được chuyên gia chấp thuận trước khi xử lý sản phẩm này. Khi có nguy cơ cháy do tĩnh điện, phải sử dụng trang phục bảo hộ chống tĩnh điện. Để đạt được hiệu quả bảo vệ chống tĩnh điện tốt nhất, trang phục cần bao gồm bộ áo liền quần, ủng và găng tay chống tĩnh điện.

**Biện pháp bảo vệ da khác** : Giày dép phù hợp và mọi biện pháp bảo vệ thêm cho da phải được chọn theo công việc sẽ thực hiện cùng các nguy cơ gắn liền với công việc đó và phải được một chuyên gia phê chuẩn cho sử dụng trước khi thao tác với sản phẩm này.

**Bảo vệ hô hấp** : Bằng cách phun: khẩu trang có ống thở. Nếu hoạt động khác ngoài phun, mà ở chỗ thông thoáng, có thể thay khẩu trang có ống thở bằng mặt nạ chống bụi có bộ lọc than. Chọn lựa khẩu trang phải dựa trên mức phơi nhiễm đã biết hoặc dự kiến, mối nguy của sản phẩm và giới hạn hoạt động an toàn của khẩu trang đã chọn.

**Giới hạn sử dụng** : Trong bất kỳ quy trình nào có sử dụng sản phẩm này đều không được sử dụng các cá nhân đã có tiền sử bệnh hen, dị ứng, hoặc bệnh hô hấp mãn tính hoặc dễ tái phát.

## IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

### Bề ngoài

Trạng thái vật lý	: Chất lỏng.
Màu sắc	: Không có sẵn.
Mùi	: Đặc tính.
Ngưỡng về mùi	: Không có sẵn.
pH	: Không có sẵn.
Điểm nóng chảy	: Không có sẵn.
Điểm sôi	: >37.78°C (>100°F)
Điểm bùng cháy	: Cốc đậy kín: 33.33°C (92°F)
Tỷ lệ hóa hơi	: 0.57 (acetat butyl = 1)
Khả năng cháy (chất rắn, khí)	: Không có sẵn.
Giới hạn nổ (bốc cháy) dưới và trên	: Mức độ lớn nhất được biết: Thấp hơn: 1.4% Trên: 7.6% (butylaxetat)
Áp suất hóa hơi	: 1.2 kPa (9 mm Hg) [nhiệt độ phòng]
Tỷ trọng hơi	: Không có sẵn.
Mật độ tương đối	: 1
Tính hòa tan	: Không hòa tan trong các vật liệu sau đây: nước lạnh.
Độ hòa tan trong nước	: 0.2 g/l
Hệ số phân chia nước/Octanol	: Không có sẵn.
Nhiệt độ tự cháy	: Không có sẵn.
Nhiệt độ phân hủy	: Không có sẵn.
Tính dẻo	: Động lực học (40°C): >0.21 cm <sup>2</sup> /s

## X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	: Không có dữ liệu thử nghiệm riêng liên quan đến khả năng phản ứng của sản phẩm này hoặc các thành phần của nó.
Tính ổn định	: Sản phẩm ổn định.
Khả năng gây các phản ứng nguy hại	: Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra.
Tình trạng cần tránh	: Khi cháy có thể sản sinh ra các sản phẩm phân hủy nguy hại.
Các vật liệu không tương thích	: Tránh xa ra: chất oxy hóa, kiềm mạnh, axit mạnh, amin, cồn, nước. Phản ứng tỏa nhiệt không kiểm soát xuất hiện với amin và cồn.
Sản phẩm phân rã có mối nguy	: Tùy thuộc vào điều kiện, các sản phẩm phân hủy có thể bao gồm các tài liệu sau đây: Xianat và izoxianat. cacbon oxit ôxit nitơ xianua hydro



**XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH****Thông tin về các tác dụng độc****Độc tính cấp tính**

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Liều lượng	Sự phơi nhiễm
Hexamethylene diisocyanate, oligomers	LD50 Ngoài da	Thỏ	>2000 mg/kg	-
butylaxetat	LD50 Đường miệng	Chuột - Nữ	>2500 mg/kg	-
	LC50 Hít phải Hơi	Chuột	>21.1 mg/l	4 giờ
	LC50 Hít phải Hơi	Chuột	2000 ppm	4 giờ
	LD50 Ngoài da	Thỏ	>17600 mg/kg	-
Solvent naphtha (petroleum), light aromatic	LD50 Đường miệng	Chuột	10.768 g/kg	-
	LD50 Ngoài da	Thỏ	3.48 g/kg	-
1,2,4-trimethylbenzene	LD50 Đường miệng	Chuột	8400 mg/kg	-
	LC50 Hít phải Hơi	Chuột	18000 mg/m <sup>3</sup>	4 giờ
mesitylene	LD50 Đường miệng	Chuột	5 g/kg	-
	LC50 Hít phải Hơi	Chuột	24000 mg/m <sup>3</sup>	4 giờ
N-propybenzen	LD50 Đường miệng	Chuột	5000 mg/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột	6040 mg/kg	-
1,2,3-trimethylbenzene	LD50 Đường miệng	Chuột	11.4 g/kg	-

**Kết luận/Tóm tắt** : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

**Kích ứng/Ăn mòn****Kết luận/Tóm tắt**

**Da** : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

**Mắt** : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

**Hô hấp** : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

**Nhạy cảm**

**Da** : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

**Hô hấp** : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

**Tính đột biến**

**Kết luận/Tóm tắt** : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

**Tính gây ung thư**

**Kết luận/Tóm tắt** : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

**Độc tính sinh sản**

**Kết luận/Tóm tắt** : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

**Độc tính gây quái thai**

**Kết luận/Tóm tắt** : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

**Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm một lần)**

Tên	Loại	Cách phơi nhiễm	Cơ quan có nhắm tới
Hexamethylene diisocyanate, oligomers	Loại 3	-	Kích ứng đường hô hấp
butylaxetat	Loại 3	-	Các tác dụng gây mê
Solvent naphtha (petroleum), light aromatic	Loại 3	-	Kích ứng đường hô hấp
	Loại 3	-	Các tác dụng gây mê
1,2,4-trimethylbenzene	Loại 3	-	Kích ứng đường hô

**XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH**

mesitylene	Loại 3	-	hấp Kích ứng đường hô hấp
N-propybenzen	Loại 3	-	Kích ứng đường hô hấp

**Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm lặp lại nhiều lần)**

Không có sẵn.

**Nguy hiểm bị ngạt từ nôn mửa**

Tên	Kết quả
Solvent naphtha (petroleum), light aromatic	HIỂM HỌA HÍT PHẢI - Loại 1
N-propybenzen	HIỂM HỌA HÍT PHẢI - Loại 1

**Thông tin về các đường tiếp xúc có khả năng xảy ra** : Không có sẵn.

**Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn**

- Tiếp xúc mắt** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
- Hít phải** : Có hại nếu hít phải. Có thể gây suy nhược hệ thống thần kinh trung ương (CNS). Có thể gây uể oải hoặc chóng mặt. Có thể gây kích ứng hô hấp.
- Tiếp xúc ngoài da** : Có thể có hại khi tiếp xúc với da. Gây kích ứng da nhẹ. Lầy mở trong da. Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.
- Nuốt phải** : Có thể có hại nếu nuốt phải. Có thể gây suy nhược hệ thống thần kinh trung ương (CNS).

**Các triệu chứng có liên quan đến các đặc điểm lý học, hóa học, và độc tính**

- Tiếp xúc mắt** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:  
đau nhức hoặc kích ứng khó chịu  
chảy nước mắt  
bị đỏ
- Hít phải** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:  
dị ứng đường hô hấp  
ho  
buồn nôn hay nôn mửa  
đau đầu  
buồn ngủ/mệt mỏi  
chóng mặt/hoa mắt  
bất tỉnh
- Tiếp xúc ngoài da** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:  
kích ứng khó chịu  
bị đỏ  
khô da  
nứt da
- Nuốt phải** : Không có thông tin cụ thể gì.

**Các tác động chậm và tức thời và cả các tác động mãn tính từ việc phơi nhiễm ngắn hạn và lâu dài****Phơi nhiễm ngắn hạn**

**Các tác dụng tức thời có thể gặp** : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

**XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH**

**Các tác dụng chậm có thể gặp** : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

**Phơi nhiễm lâu dài**

**Các tác dụng tức thời có thể gặp** : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

**Các tác dụng chậm có thể gặp** : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

**Tác động sức khỏe mãn tính tiềm ẩn**

**Tổng quát** : Việc tiếp xúc lâu dài hoặc lặp đi lặp lại có thể làm mất mỡ ở da và dẫn đến ngứa ngáy, nứt da và/hoặc bị viêm biểu bì. Nếu đã bị nhạy cảm, một phản ứng dị ứng nghiêm trọng có thể xảy ra về sau này khi có tiếp xúc ở mức độ thấp.

**Tính gây ung thư** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

**Tính đột biến** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

**Độc tính gây quái thai** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

**Các ảnh hưởng về phát triển cơ thể** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

**Ảnh hưởng khả năng sinh sản** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

**Các số liệu đo lường độ độc****Các giá trị ước tính độ độc cấp tính**

Lộ trình	Giá trị ATE (ước tính độ độc cấp tính)
Đường miệng	4625.47 mg/kg
Ngoài da	3642.51 mg/kg
Hít vào (các chất hơi)	16.66 mg/l
Hít vào (bụi và các thể lơ lửng)	2.14 mg/l

Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp. Chế phẩm này đã được đánh giá theo phương pháp truyền thống ghi ở Quy định (EC) số 1272/2008 và được phân loại theo tính nguy hiểm của độc tính. Xem Phần 2 và 3 để biết thêm chi tiết.

Phơi nhiễm với nồng độ của thành phần dung môi quá mức giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp đã công bố có thể đem lại hậu quả có hại cho sức khỏe như dị ứng màng nhầy, kích ứng hệ hô hấp cũng như hậu quả xấu cho thận, gan và hệ thần kinh trung ương. Triệu chứng và dấu hiệu bao gồm đau đầu, chóng mặt, mệt mỏi, yếu cơ thể, buồn ngủ và, trong trường hợp nặng, bất tỉnh. Dung môi có thể gây một số trong các hậu quả trên khi thẩm thấu qua da.

Nếu văng vào mắt, chất lỏng có thể gây khó chịu và tổn hại không có thể chữa.

Tiếp xúc nhiều lần hoặc lâu dài với hỗn hợp này có thể gây mất chất nhờn của da, dẫn đến bị viêm da tiếp xúc không phải do dị ứng và bị hấp thụ qua da. Phương thức này có xem xét đến, khi được biết, các tác dụng chậm và tức thời cũng như cả các tác dụng lâu dài của các thành phần khi phơi nhiễm ngắn hạn hoặc lâu dài qua các đường phơi nhiễm qua miệng, hít phải, qua da và tiếp xúc với mắt.

Căn cứ trên tính chất của các thành phần isoxyanat và xét độc tính của các hỗn hợp tương tự, hỗn hợp này có thể gây kích ứng cấp và/hoặc mẫn cảm cho hệ hô hấp, dẫn đến bị hen suyễn, thở khò khè và tức ngực. Người bị nhiễm chất làm nhạy sau này có thể có triệu chứng hen khi phơi nhiễm độ tập trung khí quyển thấp hơn giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp Phơi nhiễm liên tục có thể dẫn đến tình trạng suy nhược hô hấp vĩnh viễn.

Tiếp xúc nhiều lần hay kéo dài chất dị ứng có thể gây viêm da.

Chứa polyme đông chất hexametylen-1,6-diisoxianat. Có thể sản sinh dị ứng.

<b>Mã sản phẩm</b> 00334660	<b>Ngày phát hành</b> 23 Tháng Tư 2020	<b>Phiên bản</b> 1
<b>Tên sản phẩm</b> AMERCOAT 450HSA/HSG CURE		

## XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

### Độc Tính

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Sự phơi nhiễm
Hexamethylene diisocyanate, oligomers	Cấp tính EC50 >1000 mg/l	Tảo - <i>scenedesmus subspicatus</i>	72 giờ
butylaxetat Solvent naphtha (petroleum), light aromatic	Cấp tính EC50 >100 mg/l	Daphnia - <i>daphnia magna</i>	48 giờ
	Cấp tính LC50 >100 mg/l	Cá - <i>Danio rerio</i> (zebra fish)	96 giờ
	Cấp tính LC50 18 mg/l	Cá	96 giờ
	Cấp tính LC50 8.2 mg/l	Cá	96 giờ

### Độ bền và khả năng phân hủy

Tên sản phẩm/thành phần	Thử nghiệm	Kết quả	Liều lượng	Chất tiêu chuẩn
butylaxetat	TEPA and OECD 301D	83 % - Dễ dàng - 28 ngày	-	-

Tên sản phẩm/thành phần	Chu kỳ bán phân rã dưới nước	Quang phân	Tính bị vi khuẩn làm thối rữa
Hexamethylene diisocyanate, oligomers	-	-	Không dễ
butylaxetat	-	-	Dễ dàng

### Khả năng tồn lưu

Tên sản phẩm/thành phần	LogP <sub>ow</sub>	BCF	Tiềm năng
Hexamethylene diisocyanate, oligomers	-	3.2	thấp
butylaxetat	1.78	-	thấp
1,2,4-trimethylbenzene	3.63	120.23	thấp
mesitylene	3.42	186.21	thấp
N-propybenzen	3.69	-	thấp
1,2,3-trimethylbenzene	3.66	194.98	thấp

### Khả năng phân tán qua đất

**Hệ số phân cách đất/nước (K<sub>oc</sub>)** : Không có sẵn.

**Hậu quả xấu khác** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

## XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

**Các phương pháp thải bỏ** : Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Chất thải khi chưa xử lý không được vứt bỏ vào hệ thống thoát nước trừ khi hoàn toàn tuân thủ các yêu cầu của tất cả các nhà chức trách có thẩm quyền. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được. Chất này và bình chứa cần phải được xử lý theo cách an toàn. Cần phải cẩn thận khi làm việc với các dụng cụ đựng rỗng chưa được làm sạch hoặc rửa sạch.

Mã sản phẩm 00334660

Ngày phát hành 23 Tháng Tư 2020 Phiên bản 1

Tên sản phẩm AMERCOAT 450HSA/HSG CURE

### XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Bình rỗng hay tàu thủy có thể giữ lại cặn sản phẩm. Hơi của cặn sản phẩm có thể tạo ra một bầu khí quyển rất dễ cháy hoặc nổ trong dụng cụ đựng. Không cất, hàn hoặc mài các dụng cụ đựng đã qua sử dụng trừ khi chúng đã được làm sạch cẩn thận phần bên trong. Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh.

### XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

	UN	IMDG	IATA
Số UN	UN1263	UN1263	UN1263
Tên riêng theo Liên Hợp Quốc (UN) để dùng trong vận chuyển	PAINT	PAINT	PAINT
(các) nhóm nguy hại vận chuyển	3	3	3
Quy cách đóng gói	III	III	III
Mỗi nguy cho môi trường	Vâng. Không cần dán nhãn chất độc hại với môi trường.	Yes.	Yes. The environmentally hazardous substance mark is not required.
Chất gây ô nhiễm biển	Không áp dụng.	(Solvent naphtha (petroleum), light aromatic, 1,2,4-trimethylbenzene)	Not applicable.

#### Thông tin bổ sung

- UN** : Không nhận dạng được cái nào.
- IMDG** : Không cần đóng dấu chất ô nhiễm biển khi vận chuyển với khối lượng ≤5 L hoặc ≤5 kg.
- IATA** : Cần đóng dấu chất nguy hiểm cho môi trường nếu được quy định trong các quy định vận chuyển khác.

**Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng** : **Chuyên chở trong nhà xưởng của người sử dụng**: luôn luôn chuyên chở trong những thùng đựng được đậy kín và những thùng này phải được dựng đứng và giữ chặt. Nên đảm bảo là những người chuyên chở sản phẩm biết phải làm gì trong trường hợp bị tai nạn hoặc bị đổ.

### XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

**Các quy định riêng về an toàn, y tế và môi trường cho sản phẩm** : Chưa rõ có quy định quốc gia và/hoặc khu vực nào được áp dụng đối với sản phẩm này (bao gồm cả các thành phần của nó).

#### Thông tư số 05/1999/TT-BYT

Tên thành phần nguy hiểm	Loại	Ghi chú
xylene	Loại 2	
benzen	Loại 1	
toluen	Loại 2	

Mã sản phẩm 00334660

Ngày phát hành

23 Tháng Tư 2020

Phiên bản 1

Tên sản phẩm AMERCOAT 450HSA/HSG CURE

## XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

Phân loại chất độc (TCVN 3164-79) : 3

## XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

### Lịch sử

Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh : 23 Tháng Tư 2020

Ngày phát hành lần trước : Trước đây chưa thẩm định

Phiên bản : 1

Chuẩn bị bởi : EHS

**Bảng từ viết tắt** : ATE = Ước tính độ độc hại cấp tính  
BCF = Hệ số nồng độ sinh học  
GHS = Hệ thống phân loại và dán nhãn hóa chất hài hòa toàn cầu  
IATA = Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế  
IBC = Côngtenơ khổ trung  
IMDG = Hàng hóa nguy hiểm hàng hải quốc tế  
LogPow = Lôgarit của hệ số phân chia octanol/nước  
MARPOL = Công ước quốc tế về việc ngăn chặn ô nhiễm từ tàu thuyền, 1973, được sửa đổi bởi Nghị định thư năm 1978. ("Marpol" = Marine Pollution (Ô nhiễm hàng hải))  
UN = Liên hợp quốc

**Tham khảo** : Không có sẵn.

☑ Cho thấy thông tin đã thay đổi kể từ phiên bản phát hành trước đó.

### Người đọc lưu ý

Thông tin trong bảng chỉ dẫn an toàn này dựa trên kiến thức khoa học kỹ thuật hiện tại. Mục đích của thông tin là tạo sự chú ý về khía cạnh sức khỏe và an toàn liên quan đến sản phẩm do PPG cung cấp, và đề xuất các biện pháp phòng ngừa khi lưu trữ cũng như xử lý sản phẩm. Các thuộc tính của sản phẩm không được chứng nhận hay đảm bảo. Chúng tôi không chịu trách nhiệm đối với những trường hợp không tuân thủ các biện pháp phòng ngừa được quy định trong bảng chỉ dẫn an toàn này hay sử dụng sản phẩm không đúng cách.